

Bản án số: **55/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 5 - 2022.

V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phương Lan

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang không tham gia.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 334/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị N, sinh năm: 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh Si T, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Thị N trình bày:

Chị và anh Danh Si T tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên đồng ý nên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 20/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại ấp C, xã L, huyện H và có con chung tên Thị Cẩm T, sinh ngày 18/02/2015. Đến năm 2017, giữa chị và anh Danh Si T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi; mặc dù, được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng không hàn gắn được nên đã ly thân cho đến nay. Hiện nay, con chung tên Thị Cẩm T do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Danh Si T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Danh Si T.
- Về con chung: Chị với anh Danh Si T có 01 con chung tên: Thị Cẩm T, sinh ngày 18/02/2015, hiện nay cháu T đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Danh Si T có ý kiến:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) trực tiếp cho bị đơn anh Danh Si T, nhưng bị đơn anh Danh Si T không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) trực tiếp cho bị đơn anh Danh Si T nhưng bị đơn anh Danh Si T vắng mặt, không có lý do và nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ

luật tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị N và bị đơn anh Danh Si T.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị N thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Danh Si T có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Thị N và anh Danh Si T đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện H cấp chứng nhận kết hôn số 81/2016 ngày 20/9/2016. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Thị N và anh Danh Si T là hợp pháp.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin được ly hôn với anh Danh Si T. Chị N xác định, chị không còn tình cảm với anh Danh Si T, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nên không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong khi đó, anh Danh Si T mặc dù đã được Tòa án trực tiếp thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị N; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, anh Danh Si T không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Điều này cho thấy, anh Danh Si T không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với chị Thị N nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Chị Thị N và anh Danh Si T có con chung tên Thị Cẩm T, sinh ngày 18/02/2015. Hiện nay, cháu Thị Cẩm T đang do chị Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu Thị Cẩm T từ nhỏ đã sống chung và do chị Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Cho nên, để đảm bảo cho sự phát triển

lành mạnh về thể chất, trí tuệ và không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập bình thường của cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu Thị Cẩm T thì Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thị Cẩm T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị N không yêu cầu anh Danh Si T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 278, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị N được ly hôn với anh Danh Si T.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Thị Cẩm T, sinh ngày 18/02/2015 cho chị Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thị N về việc không yêu cầu anh Danh Si T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Danh Si T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Danh Si T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị N, anh Danh Si T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001419 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chị Thị N, anh Danh Si T vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh